

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**QUÝ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY
31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Trước đó, Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa chính thức hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478 dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 9 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 8277434113, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3745 601
- Fax : 0258 3745 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Lô TP4, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Yến sào Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện	Lô 7 – 9 Đường Trần Hữu Duyệt, 84 đường Đàm Quang Trung, Khu đô thị Vĩnh Diêm Trung A, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Số 14 Trần Hưng Đạo, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Yến sào Suối Hiệp	Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Lô TP4, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024
Bà Phan Thị Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hồng Thuận	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021
Bà Vương Phạm Phương Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021
Ông Huỳnh Đức Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2024
Bà Trịnh Thị Hồng Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Vũ Trần Nguyên Minh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021
Ông Hồ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phan Thị Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Ông Đặng Minh Thích	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2025
Bà Phạm Thị Duy Trinh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Khoa Bảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		597,508,635,356	658,788,136,649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	125,488,096,669	107,665,995,286
1. Tiền	111		73,823,992,630	82,062,018,369
2. Các khoản tương đương tiền	112		51,664,104,039	25,603,976,917
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41,401,710,767	39,600,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	41,401,710,767	39,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,109,679,307	181,359,405,979
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22,418,742,814	170,804,754,630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9,086,460,408	7,691,517,985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2,604,476,085	2,863,133,364
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		378,424,619,482	321,923,828,725
1. Hàng tồn kho	141	V.6	378,424,619,482	321,923,828,725
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,084,529,131	8,238,906,659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1,244,154,575	1,572,975,596
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16,840,374,556	6,665,931,063
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163,152,392,223	164,219,835,060
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		332,000,000	339,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	332,000,000	339,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113,199,711,626	112,934,131,978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	107,764,140,626	107,498,560,978
- Nguyên giá	222		247,316,776,920	233,554,334,307
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139,552,636,294)	(126,055,773,329)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5,435,571,000	5,435,571,000
- Nguyên giá	228		5,660,571,000	5,660,571,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225,000,000)	(225,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16,606,916,644	228,125,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	16,606,916,644	228,125,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33,013,763,953	50,718,578,082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	33,013,763,953	50,718,578,082
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		760,661,027,579	823,007,971,709

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		380,766,581,668	444,431,008,248
I. Nợ ngắn hạn	310		380,766,581,668	444,431,008,248
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	81,377,707,855	165,550,607,268
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6,286,267,057	260,080,813
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	741,036,146	1,322,096,472
4. Phải trả người lao động	314	V.14	43,400,067,948	60,954,938,185
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	21,188,732,378	19,922,965,189
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4,463,643,931	5,988,083,736
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	215,122,456,423	183,352,833,967
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8,186,669,930	7,079,402,618
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379,894,445,911	378,576,963,461
I. Vốn chủ sở hữu	410		379,893,056,817	378,575,574,367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	91,165,170,229	78,638,780,451
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	55,377,725,218	66,586,632,546
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,664,468,573	66,586,632,546
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		50,713,256,645	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,389,094	1,389,094
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	1,389,094	1,389,094
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		760,661,027,579	823,007,971,709

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng

Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)


Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	259,633,109,820	324,026,451,928	1,031,632,928,480	1,156,667,385,153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		259,633,109,820	324,026,451,928	1,031,632,928,480	1,156,667,385,153
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	214,692,061,299	255,033,084,224	835,598,776,240	919,843,536,447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44,941,048,521	68,993,367,704	196,034,152,240	236,823,848,706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	525,965,998	567,984,318	2,326,523,548	1,345,488,136
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,159,180,049	1,131,542,882	6,508,971,488	4,420,804,885
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,159,180,049	1,055,303,535	5,754,317,600	3,612,627,604
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17,705,477,165	44,379,722,354	81,593,133,708	123,646,206,154
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12,361,922,260	15,010,496,691	44,960,440,186	51,126,224,962
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,240,435,045	9,039,590,095	65,298,130,406	58,976,100,841
12. Thu nhập khác	31	VI.7	54,154,318	1,371,399,708	498,822,773	1,845,784,464
13. Chi phí khác	32	VI.8	59,225,234	96,792,421	538,963,004	278,487,160
14. Lợi nhuận khác	40		(5,070,916)	1,274,607,287	(40,140,231)	1,567,297,304
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,235,364,129	10,314,197,382	65,257,990,175	60,543,398,145
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2,658,917,872	2,234,871,489	13,757,009,762	12,356,885,843
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,576,446,257	8,079,325,893	51,500,980,413	48,186,512,302
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10,576,446,257	8,079,325,893	51,500,980,413	48,186,512,302
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	398	306	1,947	1,833
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	398	306	1,947	1,833

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2025


Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng


Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc




Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65,257,990,175	60,543,398,145
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	13,496,862,965	12,708,241,380
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2,078,113,597)	(981,181,768)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5,754,317,600	3,612,627,604
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82,431,057,143	75,883,085,361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		139,446,111,061	39,394,561,205
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(56,500,790,757)	107,303,775,633
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(105,660,451,503)	(142,095,504,787)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	18,033,635,150	(15,251,340,406)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(5,754,317,600)	(3,612,627,604)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(16,745,874,027)	(12,356,439,501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	-	19,800,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(6,986,230,651)	(11,885,640,924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48,263,138,816	37,399,668,977
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,V.10 VII	(21,152,487,018)	(725,249,635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3,V.5a	1,031,827,129	981,181,768
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,120,659,889)	255,932,133

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	446,303,153,053	423,536,373,296
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(414,533,530,597)	(388,940,627,873)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(42,090,000,000)	(69,230,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,320,377,544)	(34,634,254,577)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17,822,101,383	3,021,346,533
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	107,665,995,286	96,400,642,547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	125,488,096,669	99,421,989,080

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng

Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Tất cả các Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Lô NM5, NM6 đường số 1, cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến

Tỷ lệ đăng ký vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con là 100%.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có tổ chức kế toán

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Yến sào Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang - Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện	Lô 7 – 9 Đường Trần Hữu Duyệt, 84 đường Đàm Quang Trung, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung A, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Số 14 Trần Hưng Đạo, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Yến sào Suối Hiệp	Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Lô TP4, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 923 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.299 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 09 tháng 9 năm 2016.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08
Tài sản cố định khác	06

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.269.997.497	6.159.269.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.553.995.133	75.902.748.778
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	51.664.104.039	25.603.976.917
Cộng	<u>125.488.096.669</u>	<u>107.665.995.286</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	41.401.710.767	41.401.710.767	39.600.000.000	39.600.000.000
Cộng	<u>41.401.710.767</u>	<u>41.401.710.767</u>	<u>39.600.000.000</u>	<u>39.600.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.998.536.848</i>	<i>113.052.234.246</i>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	5.637.189.296	113.011.089.702
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	50.236.200	-
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	1.880.551.080	9.851.760
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	173.334.060	31.292.784
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	226.753.256	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	2.430.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	28.042.956	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>14.420.205.966</i>	<i>57.752.520.384</i>
Hộ kinh doanh Phan Thị Thu Thủy	2.200.481.667	3.281.142.479
Công ty TNHH MTV Ivnest Việt Nam	2.929.420.465	5.696.134.250
Các khách hàng khác	9.290.303.834	48.775.243.655
Cộng	<u>22.418.742.814</u>	<u>170.804.754.630</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng CIC	3.689.396.500	3.689.396.500
Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC&CNCH Khánh Hòa	2.478.000.000	2.478.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp khác	2.919.063.908	1.524.121.485
Cộng	9.086.460.408	7.691.517.985

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.337.259.010	-	1.149.374.391	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	60.626.031	-	68.049.961	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	79.972.961	-	835.397.260	-
Các khoản phải thu khác	1.126.618.083	-	810.311.752	-
Cộng	2.604.476.085	-	2.863.133.364	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	209.742.131.932	-	179.405.247.043	-
Công cụ, dụng cụ	78.203.537.531	-	77.698.163.276	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.721.506.129	-	3.692.448.337	-
Thành phẩm	56.300.756.255	-	26.043.548.566	-
Hàng hóa	17.036.314.210	-	25.288.789.195	-
Hàng gửi đi bán	9.420.373.425	-	9.795.632.308	-
Cộng	378.424.619.482	-	321.923.828.725	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	50.000.000	7.834.691
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	1.156.543.491	1.565.140.905
Chi phí khác	37.611.084	-
Cộng	1.244.154.575	1.572.975.596

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	8.691.979.597	15.810.691.396
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.270.433.303	5.551.493.365
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	17.173.793.695	24.967.098.740
Chi phí sửa chữa tài sản	1.840.988.732	3.802.576.063
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.568.626	586.718.518
Cộng	33.013.763.953	50.718.578.082

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	70.531.190.133	135.780.987.226	24.207.082.954	2.411.922.976	623.151.018	233.554.334.307
Mua trong kỳ	-	962.019.259	2.616.778.569	-	-	3.578.797.828
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.183.644.785	-	-	-	-	10.183.644.785
Số cuối kỳ	80.714.834.918	136.743.006.485	26.823.861.523	2.411.922.976	623.151.018	247.316.776.920
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	10.034.226.287	42.387.808.425	15.019.310.241	575.422.985	194.200.000	68.210.967.938
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	19.502.314.652	85.888.576.358	19.340.045.571	1.069.358.031	255.478.717	126.055.773.329
Khấu hao trong năm	3.500.155.002	7.882.813.804	1.867.066.610	200.868.512	45.959.037	13.496.862.965
Số cuối kỳ	23.002.469.654	93.771.390.162	21.207.112.181	1.270.226.543	301.437.754	139.552.636.294
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	51.028.875.481	49.892.410.868	4.867.037.383	1.342.564.945	367.672.301	107.498.560.978
Số cuối kỳ	57.712.365.264	42.971.616.323	5.616.749.342	1.141.696.433	321.713.264	107.764.140.626
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.435.571.000	225.000.000	5.660.571.000
Số cuối kỳ	5.435.571.000	225.000.000	5.660.571.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	225.000.000	225.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	225.000.000	225.000.000
Số cuối kỳ	-	225.000.000	225.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.435.571.000	-	5.435.571.000
Số cuối kỳ	5.435.571.000	-	5.435.571.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	962.019.259	(962.019.259)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	228.125.000	26.920.719.187	(10.183.644.785)	(358.282.758)	16.606.916.644
- Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (giai đoạn 2)	-	15.128.043.001	-	-	15.128.043.001
- Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (giai đoạn 1)	-	10.045.800.785	(10.045.800.785)	-	-
- Các công trình khác	228.125.000	1.746.875.401	(137.844.000)	(358.282.758)	1.478.873.643
Cộng	228.125.000	27.882.738.446	(11.145.664.044)	(358.282.758)	16.606.916.644

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.389.142.270	26.624.597.648
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	4.625.452.021	4.011.688.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	16.339.718.774	20.253.708.938
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	2.289.589	1.840.608.119
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	12.162.312	282.997.500
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	356.377.310	235.595.091
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	25.099.308	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	28.042.956	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	59.988.565.585	138.926.009.620
Hanil Can Company Limited	11.928.722.926	-
Công ty TNHH NHT	2.719.401.202	26.390.533.669
Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự	2.751.987.996	19.992.896.240
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ In Bao bì Cuộc sống mới	1.607.458.132	15.452.098.607
Các nhà cung cấp khác	40.980.995.329	77.090.481.104
Cộng	81.377.707.855	165.550.607.268

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	6.286.267.057	260.080.813
Cộng	6.286.267.057	260.080.813

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	935.844.267	1.958.178.493	18.300.829.507	(26.416.352.072)	281.718.489	9.419.575.280
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.970.334.910	(3.970.334.910)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	386.252.205	4.012.762.072	13.757.009.762	(16.745.874.027)	244.546.721	6.859.920.853
Thuế thu nhập cá nhân	-	694.990.498	5.228.395.378	(4.879.512.367)	214.770.936	560.878.423
Thuế tài nguyên	-	-	8.885.750	(8.885.750)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	17.000.000	(17.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	157.709.952	(157.709.952)	-	-
Cộng	1.322.096.472	6.665.931.063	41.440.165.259	(52.195.669.078)	741.036.146	16.840.374.556

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phen, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Đối với hàng nông sản chưa qua chế biến tiêu thụ trong khâu thương mại thì không kê khai, chịu thuế GTGT.

Thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn phải trả cho người lao động	43.400.067.948	60.954.938.185
Cộng	43.400.067.948	60.954.938.185

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả thưởng, vận chuyển	11.142.931.593	19.922.965.189
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (giai đoạn 1)	10.045.800.785	-
Cộng	21.188.732.378	19.922.965.189

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	41.920.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	41.920.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.463.643.931	5.946.163.736
Kinh phí công đoàn	2.510.789.162	3.788.591.639
Cổ tức phải trả	2.862.581	2.862.581
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.949.992.188	2.154.709.516
Cộng	4.463.643.931	5.988.083.736

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	34.984.247.903	17.236.076.597
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	119.250.178.401	97.536.164.256
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.888.030.119	68.580.593.114
Cộng	215.122.456.423	183.352.833.967

Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

Các khoản vay trên không có tài sản thế chấp.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	183.352.833.967
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	446.303.153.053
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(414.533.530.597)
Số cuối kỳ	215.122.456.423

Tập đoàn không có vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.324.552.579	6.853.987.715	(6.173.580.612)	7.004.959.682
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	754.850.039	1.239.510.248	(812.650.039)	1.181.710.248
Cộng	7.079.402.618	8.093.497.963	(6.986.230.651)	8.186.669.930

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	58.010.421.630	106.784.504.444	398.145.087.444
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2023	-	-	20.361.764.706	(20.361.764.706)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(10.180.882.353)	(10.180.882.353)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(2.036.176.471)	(2.036.176.471)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(69.230.000.000)	(69.230.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	48.186.512.302	48.186.512.302
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	126.367.624	(126.367.624)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(252.735.248)	(252.735.248)
Số dư cuối kỳ trước	230.000.000.000	3.350.161.370	78.498.553.960	52.783.090.344	364.631.805.674
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	78.638.780.451	66.586.632.546	378.575.574.367
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2024	-	-	12.395.102.483	(12.395.102.483)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(6.197.551.242)	(6.197.551.242)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(1.239.510.248)	(1.239.510.248)
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(42.090.000.000)	(42.090.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	51.500.980.413	51.500.980.413
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận kỳ này	-	-	131.287.295	(131.287.295)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	(656.436.473)	(656.436.473)
Số dư cuối kỳ này	230.000.000.000	3.350.161.370	91.165.170.229	55.377.725.218	379.893.056.817

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Các cổ đông khác	112.700.000.000	112.700.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty mẹ tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 42.090.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 12.395.102.483
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.197.551.242
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.239.510.248

Ngoài ra, Tập đoàn còn tạm phân phối lợi nhuận năm 2025, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 131.287.295
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 656.436.473

20. Nguồn kinh phí

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.389.094	1.389.094
Số cuối kỳ	1.389.094	1.389.094

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 366,566.13 USD (số đầu năm là 110,578.69 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	257.158.661.476	322.846.462.016	1.025.230.906.478	1.150.305.621.204
Doanh thu dịch vụ và doanh thu khác	2.474.448.344	1.179.989.912	6.402.022.002	6.361.763.949
Cộng	259.633.109.820	324.026.451.928	1.031.632.928.480	1.156.667.385.153

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	161.589.824.015	173.420.472.856	687.094.851.679	646.855.734.597
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	27.906.555.565	6.010.512.816	78.344.222.325	41.377.664.666
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	245.183.565	1.787.313.140	776.687.122	4.039.998.810
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	34.682.742	657.898.445	136.333.542	2.339.589.190
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	-	321.535.600	618.880.000	880.531.100
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	1.747.700.994	1.394.000.200	1.879.937.994	3.109.571.400
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	9.450.090.100	38.040.772	21.585.156.700	131.081.290
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	67.799.987	-	89.012.445	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	668.196.000	-	668.196.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	214.659.990.681	254.550.946.250	832.868.041.077	916.097.162.639
Giá vốn của dịch vụ và giá vốn khác	32.070.618	482.137.974	2.730.735.163	3.746.373.808
Cộng	214.692.061.299	255.033.084.224	835.598.776.240	919.843.536.447

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	461.871.982	381.202.497	2.078.113.597	973.948.891
Lãi tiền cho vay	-	7.232.877	-	7.232.877
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	64.094.016	179.548.944	248.409.951	364.306.368
Cộng	525.965.998	567.984.318	2.326.523.548	1.345.488.136

4. Chi phí tài chính

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.159.180.049	1.055.303.535	5.754.317.600	3.612.627.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	76.239.347	754.653.888	808.177.281
Cộng	2.159.180.049	1.131.542.882	6.508.971.488	4.420.804.885

5. Chi phí bán hàng

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.521.115.920	5.669.079.755	20.620.681.919	18.111.652.509
Chi phí vật liệu, bao bì	863.701.836	1.400.256.102	2.896.884.551	4.113.877.076
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	196.561.261	225.937.176	1.016.165.550	896.584.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.159.715	282.916.791	841.313.099	833.687.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.982.883.952	15.427.171.603	30.470.774.964	60.082.990.475
Các chi phí khác	4.875.054.481	21.374.360.927	25.747.313.625	39.607.414.658
Cộng	17.705.477.165	44.379.722.354	81.593.133.708	123.646.206.154

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.909.130.937	9.961.490.703	30.619.713.999	34.275.527.953
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	704.640.478	1.209.572.994	2.392.983.539	3.756.734.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.392.789	428.899.793	1.258.506.527	1.233.267.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.436.860	2.957.578.719	9.717.814.513	11.201.283.319
Các chi phí khác	419.321.196	452.954.482	971.421.608	659.411.482
Cộng	12.361.922.260	15.010.496.691	44.960.440.186	51.126.224.962

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa, vật tư nhập thừa, được tặng	39.548.856	1.154.047.469	385.351.956	1.496.404.601
Thu nhập khác	14.605.462	217.352.239	113.470.817	349.379.863
Cộng	54.154.318	1.371.399.708	498.822.773	1.845.784.464

8. Chi phí khác

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí quảng cáo	-	-	99.551.614	-
Chi phí khác	59.225.234	96.792.421	439.411.390	278.487.160
Cộng	59.225.234	96.792.421	538.963.004	278.487.160

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	10.576.446.257	8.079.325.893	51.500.980.413	48.186.512.302
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	(1.426.000.054)	(1.032.954.501)	(6.730.209.296)	(6.037.624.379)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.150.446.203	7.046.371.392	44.770.771.117	42.148.887.923
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	398	306	1.947	1.833

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu quý 3 năm trước tăng từ 306 VND lên 398 VND và lãi cơ bản trên cổ phiếu 9 tháng đầu năm trước tăng từ 1.833 VND lên 1.947 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	6.749.338.635	6.477.245.235
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	10.811.910.673	1.551.070.034

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này				
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	65.400.000	91.850.000	157.250.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	58.800.000	72.210.000	131.010.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	71.810.000	71.810.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	56.400.000	71.810.000	128.210.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	430.860.000	119.004.000	-	549.864.000
Phó Tổng Giám đốc	123.900.000	83.184.000	-	207.084.000
Phó Tổng Giám đốc	369.489.000	105.610.000	-	475.099.000
Phó Tổng Giám đốc	369.489.000	88.335.000	-	457.824.000
Trưởng ban Ban kiểm soát	293.040.000	109.926.000	19.828.000	422.794.000
Thành viên Ban kiểm soát	-	-	65.130.000	65.130.000
Thành viên Ban kiểm soát	144.934.000	61.565.000	65.130.000	271.629.000
Kế toán trưởng	323.242.000	84.296.000	-	407.538.000
Cộng	2.054.954.000	832.520.000	457.768.000	3.345.242.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	132.687.000	82.600.000	215.287.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	35.500.000	76.680.000	112.180.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	17.000.000	76.680.000	93.680.000
Thành viên Hội đồng quản trị	457.920.000	169.681.000	-	627.601.000
Phó Tổng Giám đốc	399.200.000	158.209.000	-	557.409.000
Phó Tổng Giám đốc	389.400.000	156.709.000	-	546.109.000
Phó Tổng Giám đốc	389.400.000	156.709.000	-	546.109.000
Phó Tổng Giám đốc	389.400.000	156.709.000	-	546.109.000
Phó Tổng Giám đốc	64.340.000	1.000.000	-	65.340.000
Trưởng ban Ban kiểm soát	401.868.000	164.077.000	-	565.945.000
Thành viên Ban kiểm soát	-	-	69.000.000	69.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	122.457.000	126.212.000	69.000.000	317.669.000
Kế toán trưởng	270.112.000	128.091.000	-	398.203.000
Nguyên Kế toán trưởng	57.740.000	1.000.000	-	58.740.000
Cộng	2.941.837.000	1.403.584.000	373.960.000	4.719.381.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Công ty chia cổ tức	21.465.900.000	35.307.300.000
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	116.947.498.923	52.298.449.911
Chi phí thuê đất, thuê kho và chi phí sử dụng dịch vụ	13.784.080.526	18.221.729.757
Chiết khấu bán hàng/Chi phí bán hàng	7.369.605.198	14.912.037.352
Nộp hộ tiền thuế sử dụng đất	48.105.358	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	77.410.071.700	43.050.880.976
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	1.194.862.314	1.365.416.826
	-	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Công ty phải trả chi phí dịch vụ, vận chuyển	72.465.105	1.990.896.296
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Công ty mua nhiên liệu: xăng, dầu	3.885.447.200	11.001.887.116
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	260.349.417	78.341.369
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Mua nguyên liệu	38.781.220	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	25.965.700	-
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Mua hàng hóa	25.633.131	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11 và V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2025



Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng



Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật